

Số: 439/TB-THADS (KV8)

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc đấu giá tài sản
và nhận lại tài sản bán đấu giá

Căn cứ Điều 101 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014; 2018; 2020; 2022);

Căn cứ Quyết định số 04/2024/QĐST-KDTM ngày 05/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (cũ);

Căn cứ Quyết định thi hành án số 333/QĐ-CCTHADS ngày 17/12/2024; Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định thi hành án số 09/QĐ-CCTHADS ngày 14/02/2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ);

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 07/QĐ-CCTHADS ngày 14/02/2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ);

Căn cứ Thông báo đấu giá tài sản số 92/2025/TB-ĐGDK ngày 11/8/2025 của Chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh Dầu Khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông(cũ), địa chỉ: Số 76A Lê Thánh Tông, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;

Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng – Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Lâm Đồng thông báo về việc tổ chức đấu giá tài sản như sau:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh Dầu Khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: Số 76A Lê Thánh Tông, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng;

b) Tên tài sản hoặc danh mục tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

01. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180891 ngày 08/10/2021 gồm thửa đất số 103, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 5345,1m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc cập nhật biên động ngày 13/10/2021.

02. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180892 ngày 08/10/2021 gồm thửa đất số 104, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ

là 3926,5m² tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc cập nhật biến động ngày 13/10/2021.

03. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180893 ngày 08/10/2021 gồm thửa đất số 105, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 4564,8m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc cập nhật biến động ngày 13/10/2021.

04. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180894 ngày 08/10/2021 gồm thửa đất số 106, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 4813,3m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc cập nhật biến động ngày 13/10/2021.

05. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180895 ngày 08/10/2021 gồm thửa đất số 107, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 4931,3m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc cập nhật biến động ngày 13/10/2021.

06. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180896 ngày 08/10/2021 gồm thửa đất số 108, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 4833,1m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc cập nhật biến động ngày 13/10/2021.

07. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180898 ngày 14/10/2021 gồm thửa đất số 117, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 3743,2m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

08. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180899 ngày 14/10/2021 gồm thửa đất số 118, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 3912,9m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

09. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180900 ngày 14/10/2021 gồm thửa đất số 119, 44, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 4057,9m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

10. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DE 008756 ngày 09/11/2022 gồm thửa đất số 187, tờ bản đồ số 36, diện tích theo GCNQSDĐ là 1483,8m², tọa lạc tại thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

11. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DE 008724 ngày 09/11/2022 gồm thửa đất số 185, tờ bản đồ số 36, diện tích theo GCNQSDĐ là 1971,1m², tọa lạc tại thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

12. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DE 008706 ngày 09/11/2022 gồm thửa đất số 188, tờ bản đồ số 36, diện tích theo GCNQSDĐ là 1479,6m², tọa lạc tại TDP 6, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

13. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DE 008704 ngày 09/11/2022 gồm thửa đất số 186, tờ bản đồ số 36, diện tích theo GCNQSDĐ là 1617,7m², tọa lạc tại TDP 6, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

14. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DE 008723 ngày 09/11/2022 gồm thửa đất số 184, tờ bản đồ số 36, diện tích theo GCNQSDĐ là 608,1m², tọa lạc tại TDP 6, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

15. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DE 008722 ngày 09/11/2022 gồm thửa đất số 183, tờ bản đồ số 36, diện tích theo GCNQSDĐ là 687,5m², tọa lạc tại TDP 6, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

16. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DE 008721 ngày 09/11/2022 gồm thửa đất số 182, tờ bản đồ số 36, diện tích theo GCNQSDĐ là 640m², tọa lạc tại TDP 6, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

17. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237930 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 116, tờ bản đồ số 13, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1457m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

18. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237931 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 117, tờ bản đồ số 13, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1841,2m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

19. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237932 ngày

01/4/2022 gồm thửa đất số 118, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSDĐ là 1833,8m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

20. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237933 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 119, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSDĐ là 1836,2m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

21. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237934 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 120, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSDĐ là 1845m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

22. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237935 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 121, tờ bản đồ số 13, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1852,4m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

23. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237936 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 122, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSDĐ là 1861,8m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

24. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237937 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 123, tờ bản đồ số 13, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1870,1m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

25. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237938 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 124, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSDĐ là 1876,5m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

26. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237939 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 125, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSDĐ là 1885,7m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

27. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237940 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSDĐ là

1894m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

28. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237941 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 127, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSIDĐ là 1900m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

29. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237942 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 128, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSIDĐ là 1898,9m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

30. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237943 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 129, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSIDĐ là 1878,7m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

31. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237944 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 130, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSIDĐ là 1860,7m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

32. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237946 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 131, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSIDĐ là 1839,8m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

33. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237945 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 132, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSIDĐ là 1820,5m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

34. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237947 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 133, tờ bản đồ số 13, diện tích theo GCNQSIDĐ là 1954,6m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

35. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DB 237948 ngày 01/4/2022 gồm thửa đất số 134, tờ bản đồ số 13, tổng diện tích theo GCNQSIDĐ là 1416,3m², tọa lạc tại TDP 8, thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

36. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180750 ngày 08/10/2021 gồm thửa đất số 39, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 4086,9m², tọa lạc tại Thôn 9, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

37. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180751 ngày 08/10/2021 gồm thửa đất số 40, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1501,5m², tọa lạc tại Thôn 9, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

38. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180752 ngày 08/10/2021 gồm thửa đất số 41, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1492,4m², tọa lạc tại Thôn 9, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

39. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180753 ngày 08/10/2021 gồm thửa đất số 42, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1468,1m², tọa lạc tại Thôn 9, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

40. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180754 ngày 08/10/2021 gồm thửa đất số 43, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1383,1m², tọa lạc tại Thôn 9, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc.

41. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180833 ngày 04/10/2021 gồm thửa đất số 111, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 3531,3m², tọa lạc tại Thôn 9, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc cập nhật biên động ngày 13/10/2021.

42. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180834 ngày 04/10/2021 gồm thửa đất số 112, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 3790,1m², tọa lạc tại Thôn 9, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc cập nhật biên động ngày 13/10/2021.

43. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180835 ngày 04/10/2021 gồm thửa đất số 113, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 3831,5m², tọa lạc tại Thôn 9, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc cập nhật biên động ngày 13/10/2021.

44. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180836 ngày

04/10/2021 gồm thửa đất số 114, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 4107,1m², tọa lạc tại Thôn 9, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc cập nhật biến động ngày 13/10/2021.

45. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180845 ngày 14/10/2021 gồm thửa đất số 115, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 5292,8m², tọa lạc tại Thôn 9, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

46. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số DA 180800 ngày 14/10/2021 gồm thửa đất số 116, tờ bản đồ số 82, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 6563,2m², tọa lạc tại Thôn 9, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

47. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392355 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 75, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 536,2m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

48. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392356 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 76, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 512,8m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

49. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392357 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 77, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 506,2m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

50. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392358 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 78, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 503,1m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

51. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392359 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 79, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 500,4m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

52. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392360 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 80, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là

500,3m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

53. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392361 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 81, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 500,3m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

54. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392363 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 83, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,1m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

55. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392364 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 84, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,1m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

56. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392365 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 85, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,1m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

57. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392366 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 86, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,0m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

58. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392367 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 87, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,0m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

59. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392368 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 88, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,0m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

60. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392369 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 89, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,0m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

61. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392370 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 90, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,0m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Nam N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

62. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392371 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 91, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,0m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Nam N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

63. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392381 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 92, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,0m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Nam N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

64. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392372 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 93, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,0m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Nam N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

65. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392373 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 94, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,0m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Nam N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

66. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392374 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 95, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,0m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Nam N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

67. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392375 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 96, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,0m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Nam N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

68. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392376 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 97, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,0m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Nam N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

69. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392377 ngày

15/6/2017 gồm thửa đất số 98, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,4m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

70. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392378 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 99, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 250,4m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

71. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CI 392379 ngày 15/6/2017 gồm thửa đất số 100, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 252,8m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

72. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CO 987079 ngày 01/3/2019 gồm thửa đất số 116, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1483,2m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

73. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CO 987078 ngày 01/3/2019 gồm thửa đất số 117, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1000,1m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

74. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CO 987077 ngày 01/3/2019 gồm thửa đất số 118, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1000,3m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

75. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CO 987076 ngày 01/3/2019 gồm thửa đất số 119, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 999,9m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

76. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CO 968251 ngày 16/5/2019 gồm thửa đất số 121, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1734,5m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

77. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CO 968252 ngày 16/5/2019 gồm thửa đất số 122, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ

là 2219,5m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

78. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CO 968253 ngày 16/5/2019 gồm thửa đất số 123, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 2733,1m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

79. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CS 575174 ngày 11/10/2019 gồm thửa đất số 145, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1543m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

80. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CS 558601 ngày 11/10/2019 gồm thửa đất số 146, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1595,8m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

81. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CS 558602 ngày 11/10/2019 gồm thửa đất số 147, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1532,4m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

82. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CS 558603 ngày 11/10/2019 gồm thửa đất số 148, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1363m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

83. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CS 558604 ngày 11/10/2019 gồm thửa đất số 149, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 491m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

84. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CS 558605 ngày 11/10/2019 gồm thửa đất số 150, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1368,1m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

85. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông(cũ) cấp giấy chứng nhận số CS 558606 ngày 11/10/2019 gồm thửa đất số 151, tờ bản đồ số 30, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 1348,3m², tọa lạc tại Thôn 10, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Ngọc Bắc, bà Trần Thị Sang.

86. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được cấp giấy chứng nhận số DM 033357 ngày 14/9/2023 gồm thửa đất số 95 (91 cũ), tờ bản đồ số 89, tổng diện tích theo GCNQSDĐ là 17077,9m², tọa lạc tại Thôn 4, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông(cũ), mang tên ông Nguyễn Anh Dũng, bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

c) Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: 03 ngày làm việc, liên tục từ ngày 03/9/2025 đến hết ngày 05/9/2025, trong giờ hành chính. Tại nơi có tài sản đấu giá. Người tham gia đấu giá tài sản có thể tự tìm hiểu hoặc liên hệ với Chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh Dầu Khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông(cũ), địa chỉ: 76A Lê Thánh Tông, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông(cũ) nay là 76A Lê Thánh Tông, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng để được hướng dẫn xem tài sản.

d) Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá: Từ lúc 8 giờ 00 phút ngày 11/8/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 09/9/2025.

đ) Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

STT	Tên tài sản	Giá khởi điểm (đơn vị: đồng)
	Tài sản 01 (09 quyền sử dụng đất) Gồm các thửa 103,108,107,106, 105,104, 119+44, 118,117, tờ bản đồ số 82	
1	09 quyền sử dụng đất (10 thửa)	15.252.902.100
	Tài sản 02 (07 quyền sử dụng đất) - Gồm các thửa 184,183,182, 185,186,187,188, tờ bản đồ số 36 (Bán riêng từng tài sản)	
1	Quyền sử dụng đất thửa 184	541.045.170
2	Quyền sử dụng đất thửa 183	611.690.481
3	Quyền sử dụng đất thửa 182	569.427.840
4	Quyền sử dụng đất thửa 185	1.045.979.649
5	Quyền sử dụng đất thửa 186	858.445.614
6	Quyền sử dụng đất thửa 187	787.390.173
7	Quyền sử dụng đất thửa 188	785.161.242
	Tài sản 03 (19 quyền sử dụng đất) - Gồm các thửa 116,117,118, 119,120,121,122,123,124,125,126,127,128,129,130,131,132,133, 134, tờ bản đồ số 13 (Bán riêng từng tài sản)	
1	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 116	748.778.526
2	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 117	957.401.613
3	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 118	972.028.188
4	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 119	967.869.972
5	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 120	1.005.092.199
6	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 121	967.320.063
7	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 122	968.194.728
8	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 123	966.697.335
9	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 124	972.152.064
10	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 125	999.682.668
11	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 126	1.022.831.577
12	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 127	1.015.116.948
13	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 128	999.354.564
14	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 129	1.004.701.320
15	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 130	994.916.790

16	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 131	979.341.894
17	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 132	970.371.765
18	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 133	1.012.648.635
19	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 134	732.749.139
	Tài sản 04 (11 quyền sử dụng đất) - Gồm các thửa 39,40,41,42,43, 111,112,113,114,115,116, tờ bản đồ số 82	
1	11 Quyền sử dụng đất	15.116.987.529
	Tài sản 05 (32 quyền sử dụng đất) - Gồm các thửa 75,76,77,78,79,80,81,83,84,85,86,87,88,89,90,91,92,93,94,95,96, 97,98,99,100,116,117,118,119,121,122,123, tờ bản đồ số 30 (Bán riêng từng tài sản)	
1	Quyền sử dụng đất thửa 75	1.270.483.137
2	Quyền sử dụng đất thửa 76	1.216.935.225
3	Quyền sử dụng đất thửa 77	1.201.832.397
4	Quyền sử dụng đất thửa 78	1.194.737.985
5	Quyền sử dụng đất thửa 79	1.188.560.088
6	Quyền sử dụng đất thửa 80	1.188.330.750
7	Quyền sử dụng đất thửa 81	1.188.330.750
8	Quyền sử dụng đất thửa 83	599.036.715
9	Quyền sử dụng đất thửa 84	599.036.715
10	Quyền sử dụng đất thửa 85	599.036.715
11	Quyền sử dụng đất thửa 86	598.814.910
12	Quyền sử dụng đất thửa 87	598.814.910
13	Quyền sử dụng đất thửa 88	598.814.910
14	Quyền sử dụng đất thửa 89	598.814.910
15	Quyền sử dụng đất thửa 90	598.814.910
16	Quyền sử dụng đất thửa 91	598.814.910
17	Quyền sử dụng đất thửa 92	598.814.910
18	Quyền sử dụng đất thửa 93	598.814.910
19	Quyền sử dụng đất thửa 94	598.814.910
20	Quyền sử dụng đất thửa 95	598.814.910
21	Quyền sử dụng đất thửa 96	598.814.910
22	Quyền sử dụng đất thửa 97	598.814.910
23	Quyền sử dụng đất thửa 98	599.703.804
24	Quyền sử dụng đất thửa 99	599.703.804
25	Quyền sử dụng đất thửa 100	605.034.657
26	Quyền sử dụng đất thửa 116	2.223.294.642
27	Quyền sử dụng đất thửa 117	1.722.462.300
28	Quyền sử dụng đất thửa 118	1.722.797.100
29	Quyền sử dụng đất thửa 119	1.722.127.500
30	Quyền sử dụng đất thửa 121	4.117.624.848
31	Quyền sử dụng đất thửa 122	5.255.488.683
32	Quyền sử dụng đất thửa 123	6.179.075.496
	Tài sản 06 (07 quyền sử dụng đất) - Gồm các thửa 145,146,147, 148,149,150,151, tờ bản đồ số 30 (Bán riêng từng tài sản)	
1	Quyền sử dụng đất thửa 145	1.326.583.062
2	Quyền sử dụng đất thửa 146	1.365.562.152
3	Quyền sử dụng đất thửa 147	1.318.757.949
4	Quyền sử dụng đất thửa 148	1.193.700.942
5	Quyền sử dụng đất thửa 149	363.716.676

6	Quyền sử dụng đất thửa 150	1.080.285.768
7	Quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất thửa 151	1.403.048.034
	Tài sản 07 (01 quyền sử dụng đất) - Gồm thửa 95, tờ bản đồ số 89	
1	01 Quyền sử dụng đất	5.789.690.541
	Tổng cộng	109.847.037.141

* Giá trên chưa bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí, người mua được tài sản phải tự làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, sử dụng và phải nộp các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định (nếu có). Người mua được tài sản bán đấu giá phải chịu trách nhiệm nộp thuế giá trị gia tăng trong trường hợp giá khởi điểm chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng mà tài sản bán đấu giá thuộc diện phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định.

c) Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước, bước giá:

ST T	Tên tài sản	Tiền mua hồ sơ/01 bộ hồ sơ (đơn vị: đồng)	Bước giá (đơn vị: đồng)	Tiền đặt trước làm tròn (đơn vị: đồng)
	Tài sản 01 (09 quyền sử dụng đất) Gồm các thửa 103,108,107,106,105,104, 119+44,118,117, tờ bản đồ số 82			
1	09 quyền sử dụng đất (10 thửa)	1.000.000	450.000.000	2.287.935.000
	Tài sản 02 (07 quyền sử dụng đất) Gồm các thửa 184,183,182,185,186,187,188, tờ bản đồ số 36 (Bán riêng từng tài sản)			
1	Quyền sử dụng đất thửa 184	200.000	15.000.000	81.157.000
2	Quyền sử dụng đất thửa 183	200.000	20.000.000	91.754.000
3	Quyền sử dụng đất thửa 182	200.000	15.000.000	85.414.000
4	Quyền sử dụng đất thửa 185	400.000	30.000.000	156.897.000
5	Quyền sử dụng đất thửa 186	200.000	25.000.000	128.767.000
6	Quyền sử dụng đất thửa 187	200.000	20.000.000	118.109.000
7	Quyền sử dụng đất thửa 188	200.000	20.000.000	117.774.000
	Tài sản 03 (19 quyền sử dụng đất) Gồm các thửa 116,117,118,119,120,121,122, 123,124,125,126,127,128,129,130,131,132,133,134, tờ bản đồ số 13 (Bán riêng từng tài sản)			
1	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 116	200.000	20.000.000	112.317.000
2	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 117	200.000	30.000.000	143.610.000
3	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 118	200.000	30.000.000	145.804.000
4	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 119	200.000	30.000.000	145.180.000
5	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 120	400.000	30.000.000	150.764.000
6	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 121	200.000	30.000.000	145.098.000
7	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 122	200.000	30.000.000	145.229.000
8	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thửa 123	200.000	30.000.000	145.005.000

9	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thừa 124	200.000	30.000.000	145.823.000
10	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thừa 125	200.000	30.000.000	149.952.000
11	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thừa 126	400.000	30.000.000	153.425.000
12	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thừa 127	400.000	30.000.000	152.268.000
13	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thừa 128	200.000	30.000.000	149.903.000
14	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thừa 129	400.000	30.000.000	150.705.000
15	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thừa 130	200.000	30.000.000	149.238.000
16	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thừa 131	200.000	30.000.000	146.901.000
17	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thừa 132	200.000	30.000.000	145.556.000
18	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thừa 133	400.000	30.000.000	151.897.000
19	Quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất thừa 134	200.000	20.000.000	109.912.000
	Tài sản 04 (11 quyền sử dụng đất) - Gồm các thửa 39,40,41,42,43,111,112,113,114, 115,116, tờ bản đồ số 82			
1	11 Quyền sử dụng đất	1.000.000	450.000.000	2.267.548.000
	Tài sản 05 (32 quyền sử dụng đất) Gồm các thửa 75,76,77,78,79,80,81,83,84,85, 86,87,88,89,90,91,92,93,94,95,96,97,98, 99,100,116,117,118,119,121,122,123, tờ bản đồ số 30 (Bán riêng từng tài sản)			
1	Quyền sử dụng đất thửa 75	400.000	30.000.000	190.572.000
2	Quyền sử dụng đất thửa 76	400.000	30.000.000	182.540.000
3	Quyền sử dụng đất thửa 77	400.000	30.000.000	180.275.000
4	Quyền sử dụng đất thửa 78	400.000	30.000.000	179.211.000
5	Quyền sử dụng đất thửa 79	400.000	30.000.000	178.284.000
6	Quyền sử dụng đất thửa 80	400.000	30.000.000	178.250.000
7	Quyền sử dụng đất thửa 81	400.000	30.000.000	178.250.000
8	Quyền sử dụng đất thửa 83	200.000	15.000.000	89.856.000
9	Quyền sử dụng đất thửa 84	200.000	15.000.000	89.856.000
10	Quyền sử dụng đất thửa 85	200.000	15.000.000	89.856.000
11	Quyền sử dụng đất thửa 86	200.000	15.000.000	89.822.000
12	Quyền sử dụng đất thửa 87	200.000	15.000.000	89.822.000
13	Quyền sử dụng đất thửa 88	200.000	15.000.000	89.822.000
14	Quyền sử dụng đất thửa 89	200.000	15.000.000	89.822.000
15	Quyền sử dụng đất thửa 90	200.000	15.000.000	89.822.000
16	Quyền sử dụng đất thửa 91	200.000	15.000.000	89.822.000
17	Quyền sử dụng đất thửa 92	200.000	15.000.000	89.822.000
18	Quyền sử dụng đất thửa 93	200.000	15.000.000	89.822.000
19	Quyền sử dụng đất thửa 94	200.000	15.000.000	89.822.000
20	Quyền sử dụng đất thửa 95	200.000	15.000.000	89.822.000
21	Quyền sử dụng đất thửa 96	200.000	15.000.000	89.822.000
22	Quyền sử dụng đất thửa 97	200.000	15.000.000	89.822.000
23	Quyền sử dụng đất thửa 98	200.000	15.000.000	89.956.000
24	Quyền sử dụng đất thửa 99	200.000	15.000.000	89.956.000

25	Quyền sử dụng đất thửa 100	200.000	15.000.000	90.755.000
26	Quyền sử dụng đất thửa 116	400.000	70.000.000	333.494.000
27	Quyền sử dụng đất thửa 117	400.000	50.000.000	258.369.000
28	Quyền sử dụng đất thửa 118	400.000	50.000.000	258.420.000
29	Quyền sử dụng đất thửa 119	400.000	50.000.000	258.319.000
30	Quyền sử dụng đất thửa 121	400.000	120.000.000	617.644.000
31	Quyền sử dụng đất thửa 122	600.000	150.000.000	788.323.000
32	Quyền sử dụng đất thửa 123	600.000	200.000.000	926.861.000
	Tài sản 06 (07 quyền sử dụng đất) Gồm các thửa 145,146,147,148,149,150,151, tờ bản đồ số 30 (Bán riêng từng tài sản)			
1	Quyền sử dụng đất thửa 145	400.000	40.000.000	198.987.000
2	Quyền sử dụng đất thửa 146	400.000	40.000.000	204.834.000
3	Quyền sử dụng đất thửa 147	400.000	40.000.000	197.814.000
4	Quyền sử dụng đất thửa 148	400.000	35.000.000	179.055.000
5	Quyền sử dụng đất thửa 149	200.000	5.000.000	54.558.000
6	Quyền sử dụng đất thửa 150	400.000	30.000.000	162.043.000
7	Quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất thửa 151	400.000	40.000.000	210.457.000
	Tài sản 07 (01 quyền sử dụng đất) - Gồm thửa 95, tờ bản đồ số 89			
1	01 Quyền sử dụng đất	600.000	175.000.000	868.454.000

g) Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- **Thời gian, địa điểm:** Từ lúc 08 giờ 00 phút ngày 11/8/2025 đến hết 17 giờ 00 phút ngày 09/9/2025. Tại Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Dầu khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: Số 76A Lê Thánh Tông, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

- **Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:** Người đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc mua, nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ (hồ sơ do chi nhánh phát hành), nộp tiền đặt trước đủ, đúng thời gian quy định và chứng từ nộp tiền đặt trước để đối chiếu (trong thời hạn nộp tiền đặt trước) cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 của Quốc hội ban hành ngày 27/06/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong trường hợp pháp luật có quy định về điều kiện khi tham gia đấu giá thì người tham gia đấu giá phải đáp ứng điều kiện đó. Người tham gia đấu giá có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thay mặt mình tham dự phiên đấu giá

h) Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 12/9/2025 tại trụ sở của Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Dầu khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông, địa chỉ: Số 76A Lê Thánh Tông, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

i) Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 41 Luật đấu giá tài sản 2016 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024.

- Phương thức: Đấu giá theo phương thức trả giá lên.

k) Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ lúc 08 giờ 00 phút ngày 11/8/2025 đến hết 17 giờ 00 phút ngày 09/9/2025. Nộp vào tài khoản của Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Dầu khí Việt Nam tại tỉnh Đắk Nông số: 1166 0396 6789 tại Vietinbank - CN DakNong. Chứng từ báo có đến tài khoản của Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Dầu khí Việt Nam sau 17h00 của ngày hết hạn được coi là không hợp lệ, không đủ điều kiện tham gia cuộc đấu giá.

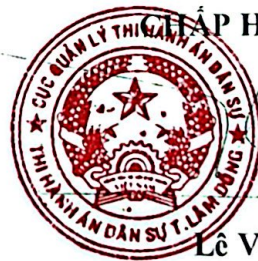
Tổ chức, cá nhân, có nhu cầu mua đấu giá tài sản xin liên hệ và nộp hồ sơ tại Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Dầu khí Việt Nam, địa chỉ: Số 76A Lê Thánh Tông, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng - Điện thoại: 0353.624.848 - 0906.379.292 để được hướng dẫn chi tiết.

Trước khi mở phiên đấu giá 01 ngày làm việc, người phải thi hành án có quyền nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức đấu giá - quy định tại khoản 5 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự.

Nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song thông báo cho các bên đương sự biết và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền nhận lại tài sản bán đấu giá đến ngày 10/9/2025 nếu các ông, bà đến Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng - Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 nộp đủ tiền thi hành án và thanh toán các chi phí thực tế, hợp lý đã phát sinh từ việc cưỡng chế thi hành án, tổ chức đấu giá./.

Nơi nhận:

- Các đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Trường Xuân;
- UBND xã Đức An;
- Viện KSND khu vực 8;
- Viện KSND tỉnh Lâm Đồng;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Trang thông tin điện tử của THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: VT, HSTHA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Lê Văn Long